TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/KDTM-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ánh Cầu.

Ông Võ Việt Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-KDTM, ngày 08 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 01/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 08 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S- H(sau đây gọi là Ngân hàng SHB).

Địa chỉ: Số 77 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật : ông Nguyễn Văn Lê, chức vụ : Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn-Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Ngọc Diệp và ông Nguyễn Minh Tuấn – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ.

(Theo giấy ủy quyền số 228/UQ-TGĐ ngày 22/8/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – H); bà Diệp, ông Tuấn đều có mặt tại phiên Tòa .

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải và Du lịch N T (sau đây gọi là Công ty N T) .

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quốc T – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn Khuôn Phò, thị trấn S, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt tại phiên Tòa .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/04/2017, các bản khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng SHB trình bày:

Ngày 14/01/2014 Ngân hàng Thương mại cổ phần S- Hchi nhánh Huế đã cho bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vân tải và Du lịch N T có trụ sở tại thôn Khuôn Phò, thi trấn Sịa, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế do ông Dương Quốc T – giám đốc đại diện theo pháp luật vay 2 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 06/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HU; mục đích vay: Đầu tư xe ô tô khách giường nằm phục vụ mục đích kinh doanh vận tải hành khách; thời hạn vay: 54 tháng (từ ngày 14/01/2014 đến ngày 14/01/2018); với lãi suất vay: 9,99%/năm áp dụng trong vòng 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân; trong thời hạn còn lại, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo lãi suất cho vay của SHB tại thời điểm điều chỉnh.

Để bảo đảm cho các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng tín dụng số 06/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HU, giữa Ngân hàng SHB và Công ty N T đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2013/HĐTC-PN/SHB/HU ngày 14/01/2014. Theo đó, Công ty N T thế chấp xe ô tô khách giường nằm mang Biển kiểm soát 75B-006.33, nhãn hiệu THACO của Công ty N T.

Thực hiện hợp đồng đã ký kết, ngày 14/01/2014, Ngân hàng SHB đã tiến hành giải ngân tại Khế ước nhận nợ số 01/KUNN-SHB Huế với số tiền 2 tỷ đồng cho Công ty N T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết, Ngân hàng SHB đã nhiều lần làm việc, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ nhưng phía Công ty N T vẫn không thực hiện. Nguyên đơn là ngân hàng SHB khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tổng số nợ còn lại tính đến thời điểm viết đơn khởi kiện ngày 19/4/2017 là 1.724.804.414đ.

Trong đó: Nợ gốc: 1.356.347.924đ. Nợ lãi: 368.456.490đ.

Trường hợp bị đơn không trả đầy đủ số nợ, đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô Biển kiểm soát 75B-006.33 của Công ty N T theo hợp đồng thế chấp số 06/2013/HĐTC-PN/SHB/HU ngày 14/01/2014. Sau khi phát mãi tài sản, nếu không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Công ty N T phải tiếp tục thanh toán hết khoản nợ còn lại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tính đến thời điểm mở phiên tòa ngày 06/09/2017 với tổng số nợ là 1.841.876.895 đ

Trong đó: Nợ gốc: 1.356.347.924 đ.

Nợ lãi trong hạn: 295.330.109 đ

Nợ lãi quá hạn: 190.198.862 đ

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án, ông Dương Quốc T – đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty N T đã xác nhận giữa bị đơn và nguyên đơn có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp như trình bày của nguyên đơn. Theo thỏa thuận, Ngân hàng SHB đã giải ngân với số tiền vay là 2 tỷ đồng cho công ty N T để sử dụng vào mục đích đầu tư mua xe giường nằm phục vụ mục đích kinh doanh của Công ty. Qúa trình thực hiện hợp đồng, Công ty N T đã thanh toán được một khoản nợ. Số nợ còn lại do Công ty làm ăn thua lỗ, khó khăn, không thu hồi được vốn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Nay bị đơn xác nhận khoản nợ còn lại như trình bày của đại diện của nguyên đơn là đúng. Do điều kiện khó khăn, bị đơn đề nghị nguyên đơn chấp nhận kéo dài thời gian trả nợ; giảm các khoản lãi và đồng ý thanh lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ nhưng các bên chưa thống nhất được phương thức thanh lý tài sản bảo đảm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng : trong quá trình giải quyết vụ án và đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký, và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án : căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 351, 355, 471, 473, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền là: 1.841.876.895 đ; trong đó: nợ gốc: 1.356.347.924 đ, nợ lãi trong hạn: 295.330.109 đ, nợ lãi quá hạn: 190.198.862 đ. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền phát mãi tài sản mà bị đơn đã thế chấp.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng: bị đơn là công ty N T-đại diện theo pháp luật là ông Dương Quốc T mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án .

2. Về quan hệ pháp luật:

Theo các nội dụng yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án có quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các chủ thể là các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung tranh chấp:

Xét hợp đồng tín dụng số 06/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HU, ngày 14/01/2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S- HChi nhánh Huế và Công ty N T, Hội đồng xét xử xét thấy: Toàn bộ nội dung hợp đồng tín dụng cũng như hồ sơ vay vốn giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật; hợp đồng tín dụng do người có thẩm quyền của hai bên ký kết tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tuân thủ các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Công ty N T có chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp pháp để vay vốn ngân hàng phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh. Do vậy, hợp đồng đã ký kết có hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia. Thực hiện nghĩa vụ tại hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 2 tỷ đồng cho bị đơn vào ngày 14/01/2014. Qúa trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ còn lại, bị đơn đã vi phạm về thời gian thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Nay nguyên đơn là Ngân hàng SHB yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là Công ty N T phải thanh toán khoản nợ đến ngày 06/9/217 là 1.841.876.895 đ; trong đó, nợ gốc: 1.356.347.924 đ, nợ lãi trong hạn: 295.330.109 đ, nợ lãi quá hạn: 190.198.862 đ.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải tại toà án phía bị đơn Công ty N T thừa nhận còn nợ đối với Ngân hàng SHB với các khoản nợ như nguyên đơn trình bày là đúng và đề nghị nguyên đơn kéo dài thời gian trả nợ và thống nhất thanh lý tài sản đảm đảm để thực hiện nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy đây là những tình tiết mà nguyên đơn không cần phải chứng minh. Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, thời điểm ký kết hợp đồng là năm 2014 nên cần áp dụng các Điều 290, Điều 471, Điều 474, Điều 475 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, buộc bị đơn là Công ty N T phải trả cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S- Htổng cộng số tiền là : 1.841.876.895 đ *(một tỷ tám trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi*

lăm đồng); trong đó, nợ gốc:1.356.347.924 đ, nợ lãi trong hạn:295.330.109 đ, nợ lãi quá hạn:190.198.862 đ.

4.Về xử lý tài sản thế chấp :

Hợp đồng thế chấp số 06/2013/HĐTC-PN/SHB/HU ngày 14/01/2014 giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết. Tài sản thế chấp là xe ô tô giường nằm, Biển kiểm soát 75B-006.33 thuộc quyền sở hữu của Công ty N T để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tại hợp đồng tín dụng số 06/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HU. Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực tại Văn phòng Công chứng An Phú Gia, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng thực vào ngày 14/01/2014, số công chứng: 55/HĐTC, quyển số: 01 TP/CC-SCC. Hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp đúng theo quy định của pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, thời điểm ký kết hợp đồng là năm 2014 nên cần căn cứ vào các Điều 342, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô Biển kiểm soát 75B-006.33 của Công ty N T trong trường hợp bị đơn không thanh toán đủ khoản nợ. Sau khi phát mãi tài sản, nếu không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bị đơn phải tiếp tục thanh toán hết khoản nợ còn lại.

4. Về án phí : Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải và Du lịch N T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là : [36.000.000đ+(1.841.876.895 - 800.000.000đ x 3%) = 31.256.307đ] = 67.256.307 đồng *(sáu mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm lẻ bảy đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 290, 342, 355, 471, 474, 475 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải và Du lịch N T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S- H

số tiền là: 1.841.876.895 đ *(một tỷ tám trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng)*; trong đó, nợ gốc: 1.356.347.924 đ, nợ lãi trong hạn: 295.330.109 đ, nợ lãi quá hạn: 190.198.862 đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng Thương mại cổ phần S -H , nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải và Du lịch N T không chịu thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng của số tiền gốc chưa thanh toán kể ngày 07/9/2017 cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.Về xử lý tài sản thế chấp:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu là Ngân hàng Thương mại cổ phần S – H , nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải và Du lịch N T không thanh toán đủ số nợ nói trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S- H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 06/2013/HĐTC-PN/SHB/HU ngày 14/01/2014 là 01 xe ô tô giường nằm nhãn hiệu THACO, Biển số 75B-006.33; số khung: RN5B48SACEC001693; số máy: WP12375N1413K065722 đang đứng tên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải và Du lịch N T là chủ sở hữu, để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản thế chấp đã xử lý nhưng không đủ thanh toán tổng số nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải và Du lịch N T phải có nghĩa vụ trả nợ tiếp số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S – H .

3.Về án phí:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải và Du lịch N T phải chịu 67.256.307 đồng *(sáu mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm lẻ bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S- H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.873.000 đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2013/002489 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Q.Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Điền;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quốc Công